

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-PT.

Ngày: 28-01-2021.

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyền và bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2020/TLPT-DS, ngày 04/11/2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/DS-ST, ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Trần Minh L, sinh năm 1968; địa chỉ: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Minh L trình bày:***

Bà Nguyễn Thị T (Nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị H (Bị đơn) có quan hệ vay mượn, cụ thể: Ngày 02/8/2017 bị đơn có vay của nguyên đơn 230.000.000 đồng, hẹn đến ngày 02/8/2018 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận bằng miệng 03%/tháng.

Khi vay các bên không giao tài sản làm tin, không có người chứng kiến, ngoài khoản vay này các bên không còn khoản vay nào khác. Quá hạn bị đơn không trả cho nguyên đơn gốc và lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 230.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay đến ngày xét xử là 73,469,283 đồng. Tuy nhiên để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ, nguyên đơn bớt tiền lãi buộc bị đơn phải trả tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 60.000.000 đồng.

Đối với chứng cứ khởi kiện có ghi tên “TP”, nguyên đơn xác định số tiền này là của nguyên đơn cho bị đơn vay không liên quan đến thành viên khác trong gia đình, tên “TP” là cách gọi của người địa phương khi gọi tên nguyên đơn cho dễ phân biệt.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bị đơn và nguyên đơn có quan hệ vay mượn là đúng, nhưng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý vì thực tế bị đơn chỉ vay 02 lần tổng cộng 80.000.000 đồng, thời gian cụ thể bị đơn không nhớ, khi vay các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày, không giao tài sản làm tin, không có người làm chứng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả khoảng 18-19 tháng tiền lãi, 17.600.000đồng/1 tháng (khi trả không lập biên bản giao nhận và không có người chứng kiến), sau đó do không có tiền trả lãi theo thỏa thuận nên ngày 02/8/2017 nguyên đơn đi cùng với một số người đến nhà bị đơn rồi tính cả gốc và lãi yêu cầu bị đơn ghi giấy nhận nợ mới là 230.000.000 đồng, đồng thời xé bỏ giấy cũ. Giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của bị đơn, khi viết bị đơn ghi tên “TP” là do cách gọi của người địa phương.

Nay nguyên đơn dùng chứng cứ này cho rằng bị đơn nợ số tiền gốc 230.000.000 đồng bị đơn không đồng ý, mà chỉ đồng ý trả 80.000.000 đồng gốc và lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài khoản vay trên bị đơn không còn khoản vay nào khác, khi vay không giao tài sản làm tin. Gia đình bị đơn không thuộc diện hộ nghèo cũng như hưởng các chính sách xã hội.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là: 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn) (trong đó gốc là 230.000.000 đồng, lãi là 60.000.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của BLDS 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà H chỉ nợ bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 80.000.000 đồng và đã trả cho bà T số tiền 17.600.000 đồng.

Tại cấp phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H:

[2.1] Xét kháng cáo về số tiền nợ gốc:

Theo Giấy vay tiền đề ngày 02/8/2017 thể hiện: Bà Nguyễn Thị H có vay của bà Nguyễn Thị T (TP) số tiền 230.000.000 đồng, hạn đến ngày 28/02/2018 dương lịch trả cả gốc và lãi. Bà H cũng thừa nhận Giấy vay tiền này do bà H tự ghi, chữ ký và chữ viết là của bà H. Bà H trình bày chỉ nợ số tiền 80.000.000 đồng, sau đó do không có tiền trả gốc và lãi nên bà T yêu cầu bà H viết lại giấy vay 230.000.000 đồng, nhưng bà H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H.

[2.2] Xét kháng cáo về số tiền lãi:

Bà Nguyễn Thị H trình bày đã trả cho bà Nguyễn Thị T tiền lãi khoảng 17.600.000đồng/1 tháng và đã trả được 18-19 tháng tiền lãi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không cung

cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc đã trả cho bà T số tiền lãi trên, bên cạnh đó, bà T cũng không thừa nhận việc bà H có trả tiền lãi cho bà T. Do đó, không có căn cứ chấp nhận việc bà H đã trả lãi cho bà T.

Về lãi suất: Theo trình bày của bà T, khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng đối với số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng, theo trình bày của bà H thì các bên thỏa thuận lãi suất là 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày đối với số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng (tức 09%/tháng) và trong Giấy vay tiền các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không ghi rõ lãi suất. Như vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay đến thời điểm xét xử (Tiền lãi từ ngày 02/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2020 là 73,469,283đồng) là phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 60.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn, nên cần chấp nhận.

Từ những lập luận trên, HĐXX nhận thấy án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 230.000.000 đồng tiền nợ gốc và 60.000.000 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2020/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 184, 235, 266, 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là: 290.000.000 đồng (*hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn*) (trong đó tiền gốc là 230.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2020 là 60.000.000đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của BLDS 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng vào Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 14.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 5.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số AA/2019/0010951, ngày 03 tháng 8 năm 2020.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011042, ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuần